

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 15-4-2026

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Thúy

*Các Thẩm phán:*

Ông Hoàng Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thủy Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Thu Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2026/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2026/HNGĐ-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2026/QĐXX-HNGĐPT ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị Hồng V - sinh năm 1990; (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 3, khối 1, phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn

2. Bị đơn: Anh Phạm Viết D - sinh năm 1989; (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên

3. Người kháng cáo: Anh Phạm Viết D là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo nội dung bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Đàm Thị Hồng V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Viết D có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 10/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có yêu thương và tìm hiểu lẫn nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà riêng ở thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2025 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do chị và anh Phạm Việt D bất đồng quan điểm nhiều vấn đề và không thể tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Suốt năm 2025, mặc dù sống cùng một nhà nhưng mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, chị và anh D không còn yêu thương chăm sóc gắn bó chia sẻ giúp đỡ nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị không còn tình cảm với anh D nữa, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, hôn nhân của chị và anh D cũng không còn tồn tại trên thực tế, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: chị và anh D có 01 (một) con chung là Phạm Trung K, sinh ngày 02/9/2024, con chung hiện nay khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con chung, vì chị có đủ điều kiện để nuôi con: chị có công việc và thu nhập ổn định (thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến ngày 31/01/2026 chị là bác sĩ công tác tại Trung tâm Y tế P1, tỉnh Thái Nguyên, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000<sup>d</sup>/tháng; từ ngày 01/02/2026 chị chuyển đến công tác tại Trung tâm Y tế K1 trực thuộc Sở Y tế tỉnh L, thu nhập trung bình vẫn giữ nguyên khoảng 10.000.000<sup>d</sup>/tháng); chị có nhà riêng tại tổ C, khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn, sau khi ly hôn chị và cháu K sẽ sinh sống tại nhà riêng, mẹ đẻ của chị là bà Hoàng Thị N cũng đồng ý cùng sinh sống và hỗ trợ chị trong việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu K; hơn nữa con chị còn nhỏ (đến ngày mở phiên tòa được 17 tháng 07 ngày), cần tình yêu thương, chăm sóc của người mẹ thì sẽ tốt hơn về mọi mặt. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: chị và anh D không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: chị và anh D không có nợ chung.

**\* Bị đơn Phạm Việt D trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh và chị Đàm Thị Hồng V có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 10/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có yêu thương và tìm hiểu lẫn nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng tháng 12 năm 2023 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nên chị V đã bỏ nhà đi ra trọ riêng ở xã P, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian chị V bỏ nhà ra ở trọ riêng chị V vẫn thỉnh thoảng liên lạc với anh. Khoảng tháng 4 năm 2024 chị V lại quay về chung sống cùng anh đến bây giờ. Đến khoảng đầu tháng 12 năm 2024 hai vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhiều vấn đề và không thể tìm được tiếng

nói chung. Có một lần chị V và mẹ vợ anh là bà Hoàng Thị N đã đến phòng khám của anh (phòng khám do anh và bạn anh mở tại xã P, tỉnh Thái Nguyên) đòi tranh con với anh nhưng anh không cho. Một số lần chị V lên công an xã C để trình báo về mâu thuẫn gia đình và việc chị V đòi nuôi con nhưng anh biết Công an không giải quyết do chị V không có hộ khẩu tại địa phương. Tại các phiên hoà giải ngày 12/01/2026 và 23/01/2026 anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị V đã trầm trọng, chị V yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị V. Tại phiên toà, anh không đồng ý ly hôn với chị V.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: anh và chị V có 01 (một) con chung là Phạm Trung K, sinh ngày 02/9/2024, con chung hiện nay khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nếu ly hôn, anh không nhất trí cho chị V nuôi con vì hàng ngày chị V không chăm sóc con nên anh không yên tâm; anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung vì anh có đủ điều kiện nuôi con: hiện nay anh là bác sĩ mở phòng khám tư nhân tại xã P, tỉnh Thái Nguyên, thời điểm Toà án thụ lý, thu thập chứng cứ anh khai thu nhập trung bình của anh khoảng 25.000.000<sup>d</sup>/tháng, tại phiên toà anh khai thu nhập trung bình của anh khoảng 40.000.000<sup>d</sup>/tháng; anh là con trai duy nhất trong gia đình nên nếu ly hôn anh và con sẽ ở với bố mẹ đẻ của anh là ông Phạm Viết D1, bà Dương Thị T. Ban ngày anh phải đi làm nên anh nhờ bố mẹ anh chăm sóc con, buổi tối anh về chăm sóc con. Anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: anh và chị V không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: anh và chị V không có vay nợ chung.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2026/HNGĐ-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên đã quyết định:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Đàm Thị Hồng V: chị Đàm Thị Hồng V được ly hôn anh Phạm Viết D.

**2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung**:

Giao con chung: Phạm Trung K, sinh ngày 02/9/2024 cho chị Đàm Thị Hồng V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Phạm Trung K đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung**: chị V và anh D không có tài sản chung

**4. Về nợ chung**: chị V và anh D không có nợ chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/02/2026 (theo dấu công văn đến ngày 12/02/2026), anh Phạm Viết D có đơn kháng cáo phần con chung, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh D giữ nguyên nội dung đã kháng cáo, trình bày căn cứ kháng cáo và cho rằng: Khoảng cách địa lý giữa nơi ở của

anh D và chị V xa nên khi giao con cho chị V không biết chị V có chăm sóc con không; chị V có tính chơi bời; bản thân anh D bận đi làm, không có thời gian thăm con tại nơi chị V sinh sống; hiện nay con đang ở với bố mẹ đẻ anh D và con đang phát triển bình thường nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

Chị V xác định chị có đầy đủ điều kiện để nuôi con và chăm sóc con. Thu nhập của chị mỗi tháng là 10.500.000 đồng và công việc của chị làm giờ hành chính và có mẹ đẻ của chị giúp chị chăm sóc con. Ngoài ra cháu K còn nhỏ, anh D không đảm bảo chăm sóc con bằng chị, chị không nhất trí toàn bộ nội dung kháng cáo của anh D. Chị V xin được trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Việt D. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2026/HNGĐ-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên. Về án phí: Anh Duy phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Việt D làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh D2 và chị V có 01 con chung là cháu Phạm Trung K, sinh ngày 02/9/2024. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án thể hiện, cả chị V và anh D2 đều có đủ điều kiện để trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu K hiện nay được hơn một tuổi còn nhỏ, cần phải có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Theo khoản 3 Điều 81 quy định: “...*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh D2 không có căn cứ nào chứng minh chị V không đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của anh D2 đề nghị được nuôi con chung, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[3.] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4.] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh D2 không được chấp nhận nên anh D2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Viết D. Giữ nguyên phần quyết định về con chung của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2026/HNGĐ-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

**2.** Về án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Phạm Viết D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000687 ngày 13/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

**3.** Các quyết định khác của bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2026/HNGĐ-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 6 - Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 6 - Thái Nguyên;
- PTHADS khu vực 6 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Thúy



**Hà Quang H- H**

**Lê Thị Hồng P**

